

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 101/TC-ĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 1987

QUYẾT ĐỊNH

SỐ 101/TC-ĐT NGÀY 20-3-1987

BAN HÀNH CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 61-CT ngày 29-3-1974 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 90-CT ngày 18-4-1978 của Hội đồng Chính phủ và Nghị định số 132-HĐBT ngày 13-8-1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 232-CP ngày 6-6-1981 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản.

Căn cứ Quyết định số 76-HĐBT ngày 26-6-1986 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành quy định tạm thời về quyền tự chủ Tài chính của các đơn vị kinh tế cơ sở và giao nhiệm vụ cho Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản; và cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa quản lý Nhà nước của Ngân hàng để bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Nay ban hành chế độ quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản kèm theo Quyết định này, áp dụng thống nhất trong cả nước, trong tất cả các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở thuộc khu vực kinh tế quốc doanh.

Điều 2. - Chế độ quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản này được áp dụng từ ngày 1 tháng 4 năm 1987. Các quy định về quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản trước đây trái với chế độ này đều bãi bỏ.

Điều 3. - Các Bộ, Tổng cục, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, các cơ quan Đảng và đoàn thể, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện và tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chế độ quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong các đơn vị thuộc phạm vi mình quản lý.

CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 01-TC ngày 20-3-1987 của Bộ Tài chính)

I. Những quy định chung

Điều 1. - Chế độ quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản nhằm mở rộng và đảm bảo quyền tự chủ, chủ động về nguồn vốn, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản của các đơn vị kinh tế cơ sở; thực hiện đầy đủ chức năng của tài chính trong việc cấp phát vốn và tăng cường vai trò kiểm tra, kiểm soát của Ngân hàng đầu tư và xây dựng trong quá trình cấp vốn và thanh toán (thay cơ quan tài chính) hoặc cho vay thanh toán đối với chủ đầu tư. Các chủ đầu tư được ngân sách cấp phát, Ngân hàng cho vay vốn hoặc sử dụng nguồn vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản có trách nhiệm quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích, đúng kế hoạch được duyệt và bảo đảm hiệu quả kinh tế cao.

Điều 2. - Việc cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư xây dựng cơ bản chỉ được thực hiện cho những công trình được duyệt và có đầy đủ các kế hoạch chuẩn bị đầu tư, kế hoạch giá trị khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản (dưới đây gọi là kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản) và kế hoạch vốn cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư xây dựng cơ bản để thanh toán sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành (dưới đây gọi tắt là kế hoạch cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư) đã được duyệt. Việc cấp phát, cho vay thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho các công trình đấu thầu công theo phương thức giao nhận thầu hay tự tổ chức thi công (tự làm) chỉ được thực hiện khi có sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành và phải bảo đảm mối quan hệ hợp lý đã quy định giữa giá trị và hiện vật.

Điều 3. - Hàng năm căn cứ vào kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và kế hoạch cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, các cơ quan Tài chính, Ngân hàng đầu tư và xây dựng và chủ đầu tư phải bố trí huy động đầy đủ các nguồn vốn (Ngân sách, tín dụng, tự có...) để bảo đảm việc cấp phát, cho vay, thanh toán sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành kịp thời theo tiến độ đã thực hiện trong kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản được duyệt.

Điều 4. - Căn cứ vào kế hoạch đầu tư và kế hoạch cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm kế hoạch được duyệt, việc cấp vốn thanh toán hoặc cho vay vốn thanh toán được thực hiện như sau:

- Đối với công trình thuộc ngân sách đầu tư, cơ quan tài chính thông báo kế hoạch cấp phát vốn cho cơ quan chủ quản để thông báo cho chủ đầu tư đối với từng công trình; đồng thời căn cứ vào tiến độ thực hiện kế hoạch để cấp phát vốn cho chủ đầu tư thông qua Ngân hàng đầu tư và xây dựng; Ngân hàng đầu tư và xây dựng thay mặt cơ quan tài chính cấp vốn thanh toán sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành cho đơn vị.

- Đối với công trình tín dụng đầu tư, Ngân hàng đầu tư và xây dựng thông báo kế hoạch cho vay vốn cho cơ quan chủ quản để thông báo cho chủ đầu tư; đồng thời căn cứ vào tiến độ thực hiện kế hoạch để cho vay thanh toán sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành.

- Đối với công trình đầu tư bằng vốn tự có, Ngân hàng đầu tư và xây dựng căn cứ vào kế hoạch đơn vị được duyệt để cấp vốn thanh toán sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành theo tiến độ thực hiện kế hoạch, đúng với chế độ quy định của Nhà nước, theo yêu cầu của thủ trưởng đơn vị.

Ngân hàng đầu tư và xây dựng thực hiện việc cấp phát, cho vay và thanh toán sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành được đầy đủ, kịp thời, thuận tiện, đúng chế độ, theo kế hoạch cấp phát vốn đầu tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc cho vay vốn của Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước. Đồng thời chịu trách nhiệm với cơ quan tài chính, chủ đầu tư (đối với công trình thuộc diện đầu tư bằng vốn tự có) về việc cấp phát, cho vay và thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản và quyết toán vốn với cơ quan tài chính.

II. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản và phạm vi sử dụng nguồn vốn

A. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Điều 5. - Nguồn vốn Ngân sách Nhà nước (ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) phân phối sử dụng cho đầu tư xây dựng cơ bản là một phần thu nhập quốc dân sản xuất trong nước tập trung vào ngân sách, phần vốn khấu hao cơ bản tập trung vào ngân sách vốn dự trữ được huy động và đại bộ phận vốn vay nợ và viện trợ từ nước ngoài.

Điều 6. - Nguồn vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản của các tổ chức sản xuất kinh doanh là một phần hoặc toàn bộ vốn khấu hao tài sản cố định, một phần quỹ khuyến khích phát triển sản xuất và quỹ phúc lợi.

Điều 7. - Nguồn vốn tín dụng đầu tư của Ngân hàng đầu tư và xây dựng là số thu hồi nợ đã cho vay đầu tư xây dựng cơ bản gia tăng số dư nợ tiền gửi vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản của các tổ chức sản xuất, kinh doanh; số dư tiết kiệm dài hạn, vốn vay tín dụng nước ngoài, nguồn khác do Ngân hàng đầu tư và xây dựng Ngân sách Nhà nước cấp bổ sung nguồn vốn tín dụng đầu tư (nếu có).

Điều 8. - Nguồn vốn huy động trong nhân dân là tiền vốn và giá trị vật tư, công lao động do nhân dân đóng góp vào việc xây dựng cơ bản.

B. Phạm vi sử dụng của từng loại nguồn vốn đầu tư.

Điều 9. - Các công trình sau đây được đầu tư bằng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước:

- Các công trình thiết bị toàn bộ do Chính phủ vay nợ và nhận viện trợ của nước ngoài;
- Các công trình sản xuất, kinh doanh được xây dựng mới có thời gian thu lãi đủ hoàn vốn từ 8 năm trở lên;
- Các công trình sản xuất, kinh doanh (được xây dựng mở rộng, cải tạo, khôi phục) có thời gian thu lãi đủ hoàn vốn từ 8 năm trở lên của các đơn vị kinh tế cơ sở đang hoạt động;
- Các công trình kinh tế kết hợp với quốc phòng;
- Các công trình đầu tư xây dựng mới thuộc kết cấu hạ tầng;
- Các công trình (không có tính chất sản xuất, kinh doanh) đầu tư xây dựng mới, mở rộng, cải tạo của các cơ quan hành chính, sự nghiệp;
- Các công trình phúc lợi phục vụ công cộng;
- Các công trình nhà ở được xây dựng mới cho các khu dân cư.

Điều 10. - Các công trình sau đây được đầu tư bằng nguồn vốn tự có:

- Các công trình sản xuất, kinh doanh đầu tư xây dựng, mở rộng, cải tạo, khôi phục có thời gian thu lãi đủ hoàn vốn dưới 8 năm và các công trình nhà ở, phúc lợi của các đơn vị kinh tế cơ sở đang hoạt động.

Để đầu tư xây dựng các công trình nói trên, trước hết phải động viên tối đa nguồn vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản của đơn vị để bảo đảm trường hợp nguồn vốn tự có không đủ thì được Ngân hàng đầu tư vào xây dựng cho vay bổ sung.

Điều 11. - Các công trình sau đây được đầu tư bằng nguồn vốn tín dụng đầu tư:

- Các công trình sản xuất, kinh doanh được xây dựng mới có thời gian thu lãi đủ hoàn vốn dưới 8 năm.

- Các công trình thuộc diện đầu tư bằng nguồn vốn tự có, nhưng nguồn vốn tự có của đơn vị không đáp ứng đủ.

Điều 12. - Chủ đầu tư và đơn vị lập luận chứng kinh tế - kỹ thuật của công trình, phải căn cứ vào những quy định trên đây để xác định nguồn bảo đảm vốn đầu tư cho công trình để ghi vào luận chứng kinh tế - kỹ thuật, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 13. - Các công việc của giai đoạn chuẩn bị đầu tư chỉ được tiến hành và được cấp vốn đầu tư khi công tác chuẩn bị đầu tư của công trình có trong kế hoạch chuẩn bị đầu tư hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

III. Lập kế hoạch và cấp phát vốn chuẩn bị đầu tư

Điều 14. - Hàng năm với việc lập kế hoạch vốn đầu tư (nói ở phần V dưới đây), căn cứ vào kế hoạch chuẩn bị đầu tư được phê duyệt:

- Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng lập kế hoạch cấp phát vốn chuẩn bị đầu tư cho từng công trình do đơn vị mình quản lý và gửi cho Bộ Tài chính.

- Các sở chủ quản, Ủy ban Nhân dân các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh lập kế hoạch cấp phát vốn chuẩn bị đầu tư cho từng công trình do đơn vị mình quản lý và gửi cho Sở Tài chính.

Riêng các công trình chuẩn bị đầu tư do địa phương quản lý nhưng thuộc nguồn tập trung do Ngân sách Trung ương bảo đảm thì Sở Tài chính các tỉnh, thành phố đặc khu có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch cấp phát vốn chuẩn bị đầu tư gửi Bộ Tài chính để làm căn cứ bố trí kế hoạch cấp phát vốn đầu tư tập trung của ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương.